

Bản án số: **48/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 26-7-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Văn Chủ

2. Quách Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024 tại điểm cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận và điểm cầu Ủy ban nhân dân xã T xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án thụ lý số: 41/2024/TLST-HNGĐ ngày 13/3/2024 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thu S**, sinh năm 2002 (có mặt)

Địa chỉ: ấp K4, xã B, Đ, tỉnh Kiên Giang

2. Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông **Phan Thanh T**, sinh năm 1949 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 06/3/2024; biên bản hòa giải ngày 19/4/2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị Thu S trình bày và

yêu cầu như sau:

Bà và ông Nguyễn Văn N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc không bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông N không quan tâm đến bà mà chỉ ham chơi, cụ thể như khi bà đi sinh con thì ông N vẫn đi nhậu cùng bạn mà không lo lắng, chăm sóc cho bà; ngày 15, 16/12/2023 bà bị bệnh dẫn đến người nhà chở đi điều trị mà ông N cũng bỏ mặc.

Sau khi điều trị khỏi bệnh bà trở về thăm con thì bị gia đình bên chồng ngăn cản dẫn đến gia đình hai bên xô sát nhau nên vợ chồng thật sự ly thân nhau từ đó đến nay.

Về con: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trần Khả N1, sinh ngày 07/6/2023, hiện tại ông N đang nuôi con.

Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung.

Về nợ: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn ông Nguyễn Văn N;
2. Về quan hệ nuôi con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi con Nguyễn Trần Khả N1, sinh ngày 07/6/2023, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con;

Hiện tại bà đang làm tạp vụ tại trường M, thu nhập mỗi tháng 3.000.000 đồng.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không có, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với yêu cầu trên của nguyên đơn tại bản tự khai ngày 25/3/2024; biên bản lấy lời khai ngày 25/3/2024; biên bản hòa giải ngày 19/4/2024 bị đơn Nguyễn Văn N trình bày:*

Ông và bà Trần Thị Thu S chung sống với nhau năm 2023, có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Cuộc sống vợ chồng thật sự hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ bệnh rồi cha, mẹ vợ bắt vợ về gia đình bên vợ sống. Ông có qua bên nhà vợ thăm nhưng gia đình bên vợ ngăn cản. Do đó, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, ông và vợ đã ly thân từ tháng 11 năm 2023 cho đến nay, từ khi ly thân thì ông không liên lạc được với vợ.

Sự việc xảy ra xô xát giữa gia đình hai bên là có thật, nhưng cụ thể như thế nào thì không rõ, do lúc đó ông không có ở nhà.

Về con: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trần Khả N1, sinh ngày 07/6/2023 hiện đang do ông nuôi dưỡng.

Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay theo yêu cầu của bà S, ông có ý kiến như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý ly hôn bà Trần Thị Thu S;

2. Về quan hệ nuôi con chung: Yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Trần Khả N1, sinh ngày 07/6/2023, không yêu cầu cấp dưỡng. Hiện tại ông đang mua bán máy phát cỏ, máy xăng dầu online thu nhập trung bình mỗi tháng 10.000.000 đồng.

3. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không tài sản chung, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

*** *Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn bà Trần Thị Thu S vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu về hôn nhân, về con chung, về tài sản và về nợ. Thống nhất mức thu nhập và nghề nghiệp hiện tại của ông N.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giao cháu Nguyễn Trần Khả N1, sinh ngày 07/6/2023 cho ông N trực tiếp nuôi; về tài sản và về nợ, nguyên đơn và bị đơn không tranh chấp nên đề nghị không xem xét.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn N vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày về hôn nhân, thống nhất ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp về con chung, về tài sản và về nợ. Đồng ý mức thu nhập và nghề nghiệp hiện tại của bà S.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét những vấn đề cụ thể như sau, về quan hệ hôn nhân: ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Thu S và ông Nguyễn Văn N; về quan hệ nuôi con chung: giao Nguyễn Trần

Khả N1, sinh ngày 07/6/2023 cho ông N trực tiếp nuôi, bà S không cấp dưỡng nuôi con cùng ông N sau khi vợ chồng ly hôn; về quan hệ tài sản chung và về nợ chung: không có, không tranh chấp nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu S và ông Nguyễn Văn N tự nguyện lấy nhau làm vợ chồng, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông N là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo quy định tại các điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống giữa bà S và ông N đã phát sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn xuất phát từ vợ chồng và gia đình cha mẹ hai bên, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và thực tế vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 11 năm 2023 đến nay. Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà S vẫn cương quyết xin ly hôn và ông N cũng đồng ý. Việc thuận tình ly hôn giữa bà S và ông N là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX ghi nhận.

[2] Về quan hệ nuôi con chung: Bà S và ông N thống nhất xác định, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trần Khả N1, sinh ngày 07/6/2023, từ khi ly thân đến nay con do ông N trực tiếp nuôi.

Nay bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Tuy nhiên, ông N không đồng ý giao con cho bà S nuôi mà ông có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX xét thấy, tuy về thời gian ly thân hai bên trình bày không thống nhất với nhau (bà S cho rằng ly thân ngày 15, 16/12/2023; còn ông N xác định ly thân tháng 11 năm 2023), nhưng nếu căn cứ theo lời trình bày của bà S thì thời điểm bà và ông N ly thân nhau thì lúc đó con mới 06 tháng 10 ngày. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay con do ông N trực tiếp nuôi dưỡng và phát triển bình thường như bao đứa trẻ khác (bút lục số 32).

Hơn nữa, ông N có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên đủ điều kiện để đảm bảo nuôi con chung. Từ đó cho thấy cuộc sống của cháu Khả N1 được đảm bảo và cháu cũng đã quen với môi trường sống hiện tại. Trong khi nguyên đơn bà S từ khi vợ chồng ly thân đến nay không một lần trở về thăm con để xem cuộc sống của con thế nào và hiện tại thu nhập mỗi tháng của bà S chỉ có 3.000.000 đồng, như vậy là không đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy cần giao

cháu Nguyễn Trần Khả N1, sinh ngày 07/6/2023 cho ông nghề tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Án lệ số 54/2022/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 07 tháng 9 năm 2022 và được công bố theo Quyết định số 323/QĐ-CA ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Việc ông N không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con cùng ông sau khi vợ chồng ly hôn là tự nguyện, hơn nữa giữa hai bên đều thống nhất xác định và công nhận ông N có nghề nghiệp và có thu nhập ổn định nên có đầy đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung. Do đó, bà S không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng ông N sau khi vợ chồng ly hôn.

[3] Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Giữa nguyên đơn bà S và bị đơn ông N cùng thống nhất xác định, vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[5] Về án phí: **150.000đ** (300.000đ x 50%), do hai bên đương sự đã thỏa thuận được nội dung này từ khi hòa giải và cho đến tại phiên tòa hôm nay. Bà S và ông N thống nhất thỏa thuận: Bà S tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm thuận tình ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 55, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số 54/2022/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 07 tháng 9 năm 2022 và được công bố theo Quyết định số 323/QĐ-CA ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao,

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Thu S và ông Nguyễn Văn N.

2 - Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Trần Khả N1, sinh ngày 07/6/2023 cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng, bà S không cấp dưỡng nuôi con cùng ông N sau khi vợ chồng ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3 - Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4 - Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Thu S tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm thuận tình ly hôn là **150.000 đồng**, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005409 ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận; bà S được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 26/7/2024).

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Tân Thuận;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mỹ Linh